

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VỀ QUAN ĐIỂM BẤT LỊCH SỰ
CỦA JONATHAN CULPEPER

AN INTRODUCTION TO JONATHAN CULPEPER'S THEORY OF IMPOLITENESS

PHẠM THỊ TUYẾT MINH

(ThS; Đại học Ngoại thương Hà Nội)

Abstract: This paper introduces the main ideas in Culpeper's perception of impoliteness, including his definition of impoliteness, two kinds of impoliteness (inherent impoliteness and mock impoliteness) and impoliteness strategies. This impoliteness framework is parallel but opposite to Brown and Levinson's theory of politeness.

Key words: impoliteness; definition of impoliteness; two kinds of impoliteness; impoliteness strategies.

1. Mở đầu

Kể từ khi cuốn sách *"Politeness: some universals of language usage"* (1979; 1987) của P. Brown và S. Levinson ra đời, lịch sự đã thu hút sự quan tâm, tìm hiểu của nhiều học giả, "trở thành một trong những vấn đề được nghiên cứu nhiều nhất của ngữ dụng học" [11, 536]. Trong hơn ba mươi năm qua, lí thuyết lịch sự chủ yếu tập trung vào cách thức sử dụng các chiến lược giao tiếp để duy trì hay thúc đẩy mối quan hệ hoà hợp giữa con người với con người trong xã hội: (Vai trò của nguyên tắc lịch sự là) "duy trì trạng thái ổn định về mặt xã hội và mối quan hệ thân thiện tốt đẹp trong đó cho phép chúng ta giả định rằng người đối thoại của chúng ta được hợp tác ngay từ đầu" [9, 82].

Tuy nhiên, các cuộc giao tiếp không phải lúc nào cũng mang tính hợp tác, xung đột vẫn không ngừng diễn ra. Trong nhiều trường hợp, người nói lại "tấn công" hơn là hợp tác với người đối thoại. Do vậy, gần đây, bên cạnh lịch sự, các nhà nghiên cứu bắt đầu quan tâm hơn đến vấn đề ở bên cực bên kia của nó - bất lịch sự mà như cách nói của Sifanou (2010), năm 2008 được coi là "năm của bất lịch sự" ("The year of impoliteness") [12, 119]. Đó là năm chúng kiến sự xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu có giá trị của các tác giả như: Bousfield, Locher và Jonathan Culpeper. Jonathan Culpeper là một trong những cái tên được nhắc đến nhiều bởi ông có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về lịch sự, bất lịch sự. Ông đề xuất nghiên cứu bất lịch sự với tư cách là một

lĩnh vực nghiên cứu đa ngành. Theo ông, các lĩnh vực khoa học khác như tâm lí học, xã hội học, truyền thông, nghiên cứu xung đột, kinh doanh, lịch sử hay văn học đều có liên quan đến bất lịch sự. Bất lịch sự là một vấn đề mang tính chất phức hợp, đa chiều. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung trình bày những nét chính trong quan điểm của Culpeper về bất lịch sự ở góc độ hành vi ngôn ngữ, đó là khái niệm bất lịch sự, hai kiểu bất lịch sự chính và các chiến lược bất lịch sự.

2. Giới thiệu nội dung: bất lịch sự

2.1. Định nghĩa về bất lịch sự

Đưa ra định nghĩa đầy đủ về bất lịch sự quả là một thử thách bởi, qua các bài viết về bất lịch sự cho thấy "không có một sự thống nhất nào về cái gọi là bất lịch sự" [Dt 8, 21]. Lí do đơn giản là vì, việc đánh giá một hành vi ngôn ngữ là lịch sự hay không lịch sự phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó có ngữ cảnh. Ví dụ, hò hét và nói những câu có tính chất xúc phạm với một người già sống trong một ngõ nhỏ yên tĩnh có thể bị coi là cực kì bất lịch sự nhưng cũng phát ngôn ấy ở giữa đám đông cổ vũ bóng đá có thể lại không như vậy. Lịch sự phụ thuộc rất nhiều vào cách nhìn nhận của người nghe với việc người khác nói (làm) như thế nào và mối quan hệ của hành động nói với ngữ cảnh.

Theo Culpeper, "Hành vi bất lịch sự xuất hiện khi: (1) người nói tấn công thể diện một cách cố ý, hay (2) người nghe nhận thức được, có thể cũng đưa ra hành vi tấn công thể diện một cách cố ý, hoặc kết hợp cả (1) và (2)" [8,

23]. Định nghĩa này nhấn mạnh hai vấn đề trong quan niệm về bất lịch sự của Culpeper. Thứ nhất, hành vi bất lịch sự xuất hiện khi có sự tấn công thể diện. Thứ hai, hành vi ấy không ngẫu nhiên, vô tình mà nằm trong sự tính toán của người nói (cố ý). Hành vi ấy được người nghe nhận thức, họ có những biểu hiện cảm xúc tiêu cực hoặc đưa ra hành vi tấn công thể diện để đáp trả. Như vậy, bất lịch sự chỉ xảy ra trong tương tác xã hội, không chỉ giản đơn là những gì người nói phát ra mà còn phụ thuộc vào nhận thức của người nghe. Tuy nhiên, sau một thời gian, chính Culpeper tự nhận thấy cách định nghĩa này không hợp lí, vì nó đã “đóng đinh” khái niệm bất lịch sự vào khái niệm “tấn công thể diện” [8, 23]. Cách làm này chẳng khác nào việc dùng khái niệm (mà chính nó còn đang gây tranh cãi) để giải thích khái niệm và có thể không bao quát được tất cả các trường hợp bất lịch sự. Sau này, trong cuốn *“Impoliteness - using language to cause offence”* (2011), Culpeper đã đưa ra quan niệm: Bất lịch sự là thái độ tiêu cực đối với những hành vi cụ thể diễn ra trong một ngữ cảnh cụ thể. Nó được duy trì bởi sự kì vọng, khát khao và (hay) niềm tin vào một tổ chức xã hội, đặc biệt là cách người ta dàn xếp một cá nhân hay nhóm trong cuộc tương tác. Các hành vi đó được xem là tiêu cực - bất lịch sự khi chúng mâu thuẫn với điều người ta kì vọng chúng như thế nào, muốn chúng ra sao và nghĩ chúng nên thế nào. Những hành vi như vậy luôn có (hay được thừa nhận là có) gây ra một tác động về mặt cảm xúc với ít nhất một người tham gia, chúng gây ra (hay được thừa nhận là gây ra) sự xúc phạm. Các nhân tố khác có thể khiến mức độ xúc phạm của hành vi bất lịch sự tăng cường thêm, ví dụ như việc người nghe hiểu hành vi đó có cố ý hay không” [8, 23].

Trong định nghĩa mới này, tác giả đã tránh không dùng đến khái niệm “thể diện”. Mặt khác, ông vẫn duy trì một số nội dung trong định nghĩa cũ như: hành vi bất lịch sự gây ra tác động tiêu cực về cảm xúc với người nghe (cảm thấy bị xúc phạm); phụ thuộc vào nhận thức của người nghe. Mặt khác, ông đưa ra cơ sở để xác định một hành vi có bất lịch sự hay không: một

hành vi được coi là tiêu cực khi có sự mâu thuẫn giữa chúng với kì vọng, suy nghĩ, mong muốn của người tiếp nhận. Định nghĩa mới cụ thể hơn, được ông phân tích kĩ lưỡng trong cuốn *“Impoliteness using language to cause offence”* và trong các bài viết gần đây về bất lịch sự.

2.2. Hai kiểu bất lịch sự

Culpeper (1996) chia hành vi bất lịch sự thành hai loại: *“inherent impoliteness”* (tạm dịch là “bất lịch sự thực hữu” hay “bất lịch sự đích thực”) và *“mock impoliteness”* (tạm dịch là “bất lịch sự giả dối” hay “bất lịch sự giả”). Culpeper cho rằng, có những hành vi bẩm sinh đã đe dọa thể diện của người nói bất chấp ngữ cảnh, những hành vi này gọi là hành vi bất lịch sự cố hữu (bất lịch sự thực). Ngoài ra, có những hành vi bề mặt là bất lịch sự nhưng người nói không cố ý làm tổn thương người khác thì được gọi là hành vi bất lịch sự giả dối (bất lịch sự giả).

Về bất lịch sự thực hữu, quan điểm của Culpeper cũng tương đồng với quan điểm của một số nhà nghiên cứu đi trước. Leech (1983) đã phân biệt “lịch sự tương đối” (*“relative politeness”*) và “lịch sự tuyệt đối” (*“absolute politeness”*). Lịch sự tương đối chỉ hành vi lịch sự có liên quan đến một ngữ cảnh nhất định, trong khi đó lịch sự tuyệt đối chỉ hành vi lịch sự độc lập với ngữ cảnh. Với lịch sự tuyệt đối, Leech khẳng định: “Một số hành động ở lời có tính bất lịch sự về bản chất và một số khác lại có tính lịch sự về bản chất” [9, 83]. Tương tự, khi xây dựng mô hình lịch sự lấy thể diện làm trung tâm, Brown và Levinson (1987) cũng viết rằng: “...có một số loại hành vi mà bản chất đã đe dọa thể diện” [5, 65]. Nói cách khác, họ cho rằng có những hành vi nhất định (ví dụ: yêu cầu, đe dọa, phê bình) chống lại thể diện dương tính của một ai đó, chống lại mong muốn được ủng hộ và/hay đối lập với thể diện âm tính của một ai đó, đối lập với mong muốn không bị áp đặt.

Nếu nhìn tổng quát các hành vi ngôn ngữ, chúng ta có thể đồng tình với ý kiến cho rằng một số hành vi vốn mang tính lịch sự trong khi có những hành vi vốn đã bất lịch sự. Culpeper nêu ví dụ về hành vi bất lịch sự cố hữu như sau:

“Tôi là một trong số ba hành khách đang ở trong xe ô tô. Người lái xe có vẻ rất căng thẳng. Anh ấy đã bật cần gạt nước mặc dù trời không mưa. Tôi muốn nói với anh ấy tắt cái cần gạt ấy đi nhưng không may là bất cứ lời đề nghị nào (dù có lịch sự đến đâu) cũng sẽ hưởng sự chú ý tới cái cần gạt bật một cách vô lý kia và do đó sẽ làm tổn hại đến thể diện dương tính của anh ấy. Vì vậy, tôi quyết định im lặng”.

Culpeper còn nhấn mạnh rằng, bất cứ lời nói nào khiến người khác chú ý đến những hành vi phản cảm (như ngoáy mũi, ngoáy tai hay trung tiện ở chỗ đông người) đều mang tính bất lịch sự cổ hữu. Ví dụ, với lời đề nghị *“Bạn có thể đừng ngoáy mũi nữa được không?”*, cho dù người nói có thực hiện đầy đủ các chiến lược lịch sự hay thay đổi ngữ cảnh thì phát ngôn đó vẫn mang tính bất lịch sự. Bằng việc lưu tâm một khía cạnh đáng chê trách của người nhận, lời nói đã gây ra một tổn hại không thể tránh đến thể diện dương tính của anh ta/cô ta. Tuy nhiên, Culpeper cũng lưu ý: *“Nếu những hành động phản cảm trên tồn tại như một lẽ thường được chấp nhận trong một số nền văn hoá (như ở trong một số nền văn hoá), tất nhiên, hành động đó sẽ không bị coi là bất lịch sự”* [6, 351].

Bất lịch sự giễu nhại

Bất lịch sự giễu nhại là loại hành vi bất lịch sự có dấu hiệu về hình thức nhưng người nghe hiểu rằng người nói không có ý làm người nghe tổn thương. Ví dụ, một lần tôi đến một bữa tiệc muộn và giải thích với chủ bữa tiệc là tôi đã nhầm 17 giờ thành 7 giờ tối, chủ nhà đã cười và nói: *“Đúng là đồ ngớ ngẩn”*. Tôi biết hành động bất lịch sự ở đây chỉ là trên bề mặt, người nói không có ý gì và tôi vẫn được mời vào bữa tiệc. Leech (1983) cũng đã đề cập đến hiện tượng này khi xếp nó vào nguyên tắc đùa vui (*“Banter Principle”*) [9, 144]. Leech cho rằng, những câu nói đùa phản ánh và khuyến khích bầu không khí thân mật trong xã hội (tức là sự bình đẳng tương đối về quyền thế và sự gần gũi về khoảng cách xã hội); mối quan hệ càng thân mật thì tầm quan trọng và sự cần thiết của lịch sự càng giảm. Nói cách khác, thân mật thì không cần lịch sự và việc dùng những phát ngôn bất lịch sự bề ngoài càng thể hiện sự thân mật. Rõ ràng,

điều này chỉ thể hiện trong ngữ cảnh khi mà bất lịch sự được hiểu là sự đùa vui. Tuy nhiên, Leech không xác định rõ ngữ cảnh có thể bao gồm những yếu tố nào.

2.3. Các chiến lược bất lịch sự

Mô hình bất lịch sự của Culpeper dựa trên mô hình lịch sự của Brown và Levinson. Culpeper coi bất lịch sự là “vật kí sinh” của lịch sự (*“the parasite of politeness”*) [6, 355]. Brown và Levinson (1987) cho rằng, nếu ai đó thực hiện một phát ngôn có khả năng đe dọa thể diện của những người tham gia thì người ta sẽ thực hiện các chiến lược lịch sự phù hợp với hành vi đe dọa thể diện ấy. Sau đó, người ta sẽ tính toán mức độ đe dọa thể diện của hành vi có liên quan. Điều này được thực hiện bằng cách xem xét các yếu tố chính ảnh hưởng đến sự đe dọa thể diện như quyền lực, khoảng cách xã hội, mức độ áp đặt của hành động. Giá trị của các yếu tố trên được cộng lại để tính toán mức độ ảnh hưởng của một hành vi đe dọa thể diện (gọi tắt là FTA). Brown và Levinson đề xuất năm siêu chiến lược (*“superstrategies”*) để thực hiện hành động FTA. Các siêu chiến lược được tóm tắt dưới đây, siêu chiến lược đầu tiên tương ứng với mức độ đe dọa thể diện cao nhất, siêu chiến lược cuối tương ứng với mức độ đe dọa thể diện thấp nhất.

(1) *Thực hiện FTA theo lối nói trắng* - các FTA được thực hiện “một cách trực tiếp nhất, rõ ràng nhất, theo một cách ngắn gọn và đơn nghĩa”. [5, 69].

(2) *Lịch sự dương tính* - dùng các chiến lược lịch sự để bù đắp mong muốn về thể diện dương tính của người nghe.

(3) *Lịch sự âm tính* - dùng các chiến lược lịch sự để bù đắp mong muốn về thể diện âm tính của người nghe.

(4) *Thực hiện FTA theo lối nói kín*.

(5) *Không thực hiện FTA*.

Dựa vào các chiến lược lịch sự của Brown và Levinson, Culpeper đề xuất 5 siêu chiến lược bất lịch sự. Năm siêu chiến lược bất lịch sự ở thế đối lập với năm siêu chiến lược lịch sự. Thay vì cùng cố hay đề cao thể diện, các siêu chiến lược bất lịch sự cụ thể hoá các cách thức tấn công thể diện.

(1) *Dùng lối nói trắng* ("Bald on record impoliteness"): Các hành vi FTA được thể hiện một cách trực tiếp nhất, rõ ràng, đơn nghĩa, ngắn gọn. Khi đó, thể diện không được chú ý hoặc bị đánh giá thấp.

Cần phân biệt chiến lược này với chiến lược "nói trắng" của Brown và Levinson. "*Nói trắng*" là chiến lược lịch sự trong trường hợp khá đặc biệt. Chẳng hạn, khi khẩn cấp, khi sự đe dọa đến thể diện của người nghe không đáng kể (ví dụ, các câu mệnh lệnh: "*vào đi*", "*ngồi xuống*"), hoặc khi người nói có quyền lực cao hơn nhiều so với người nghe (ví dụ, bố mẹ nói với con: "*Đừng kêu ca nữa đi*"). Trong tất cả các trường hợp vừa kể trên, sự đe dọa thể diện không lớn và quan trọng hơn, người nói không chủ tâm tấn công thể diện của người nghe.

(2) *Bất lịch sự dương tính* (Positive impoliteness). Sử dụng các chiến lược để làm tổn thương mong muốn về thể diện dương tính của người nhận.

(3) *Bất lịch sự âm tính* (Negative impoliteness). Sử dụng các chiến lược để làm tổn thương mong muốn về thể diện âm tính của người nhận.

(4) *Lối nói lịch sự theo kiểu mỉa mai hay giễu nhại* (Sarcasm or mock politeness). Sử dụng các chiến lược lịch sự rõ ràng là không thành thực, vì thế có thể thấy rõ hành vi FTA trên bề mặt câu chữ. Quan niệm của Culpeper về mỉa mai ("sarcasm") gần với khái niệm của Leech (1983) về châm biếm ("irony"). Ông đưa ra nguyên tắc châm biếm ("Irony Principle"-IP) như sau: "Nếu bạn phải xúc phạm người khác, tốt nhất đừng xung đột với nguyên tắc lịch sự ("politeness principle" – PP) một cách công khai mà hãy sử dụng hàm ý để làm cho người nghe hiểu mục đích xúc phạm của bạn" [9, 82].

(5) *Từ chối hành vi lịch sự* (Withhold politeness). Không sử dụng các chiến lược lịch sự ở những chỗ mà đáng ra phải dùng [...]. Ví dụ, không cảm ơn người tặng quà có thể coi là bất lịch sự cố ý.

Sự đánh giá mức độ ảnh hưởng của FTA trong công thức của Brown và Levinson cũng có thể áp dụng với bất lịch sự. Mức độ áp đặt

của hành vi càng cao, quyền lực và khoảng cách giữa người nói với người nghe càng chênh lệch thì mức độ đe dọa thể diện càng lớn. Nếu so sánh mô hình của Culpeper và Brown & Levinson, chúng ta sẽ nhận thấy thực tế chúng tương tự nhau chỉ khác là chúng ở hai cực đối lập nhau.

Culpeper cũng nêu cụ thể các chiến lược bất lịch sự dương tính và các chiến lược bất lịch sự âm tính:

Thứ nhất, các chiến lược bất lịch sự dương tính, gồm:

a. *Phớt lờ người khác* (Ignore, snub the other): tỏ ra không quan tâm đến sự hiện diện của người khác.

b. *Tách người khác ra khỏi một hoạt động* (Exclude the other from an activity).

c. *Xa cách với người khác* (Disassociate from the other). Ví dụ, từ chối sự hợp tác, tránh những cái chung; tránh ngồi cùng.

d. *Không quan tâm, không lo lắng, không thông cảm* (Be disinterested, unconcerned, unsympathetic).

đ. *Sử dụng những dấu hiệu nhận diện không phù hợp* (Use inappropriate identity markers). Ví dụ, sử dụng danh hiệu, tước vị, họ khi mỗi quan hệ gần hay sử dụng biệt danh khi mỗi quan hệ xa.

e. *Sử dụng ngôn ngữ mơ hồ, khó hiểu hay ngôn ngữ bí mật trong nhóm* (Use obscure or secretive language). Ví dụ, làm ra vẻ bí ẩn với biệt ngữ, sử dụng mã riêng chỉ những người trong nhóm biết.

g. *Tìm kiếm sự bất đồng* (Seek disagreement): chọn những đề tài nhạy cảm.

h. *Khiến người khác cảm thấy không thoải mái* (Make the other feel uncomfortable). Ví dụ: im lặng, nói đùa, hay nói thầm.

i. *Sử dụng từ ngữ cấm kỵ* (Use taboo words). Chửi rủa hay dùng các ngôn ngữ xúc phạm, tục tĩu.

k. *Gọi tên khác* (Call the other names). Dùng lời giới thiệu mang tính miệt thị v.v.

Thứ hai, các chiến lược bất lịch sự âm tính, gồm:

a. Khiến người khác sợ hãi (*Frighten*). Khiến người khác tin rằng sẽ có sự việc không hay xảy ra với họ (đoạ người khác).

b. Ra vẻ, khinh bỉ hay nhạo báng (*Condescend, scorn or ridicule*): Nhấn mạnh quyền lực; không đối xử tử tế; coi thường người khác (ví dụ: dùng các từ ngữ giảm nghĩa ("diminutives")).

c. Chiếm không gian của người khác (*Invalidate the other's space*). Cụm từ này được hiểu theo đúng nghĩa đen (tự đặt vị trí gần với người khác hơn mối quan hệ cho phép) hay nghĩa bóng, nghĩa ẩn dụ (ví dụ, hời hợt nói về thông tin quá riêng tư so với mối quan hệ).

d. Gắn người nghe với các khía cạnh tiêu cực một cách lộ liễu (*Explicitly associate the other with a negative aspect*). Cá nhân hoá, dùng các đại từ như: "I", "You".

đ. Nói thẳng sự mắc nợ của người khác (*Put the other's indebtedness on record*).

Bên cạnh những chiến lược trên, cấu trúc hội thoại cũng là một trong những phương thức thể hiện lịch sự (bất lịch sự). Brown và Levinson đã chỉ ra rằng, "sự vi phạm lượt lời (ngắt lời, phớt lờ lời người nói, không trả lời câu hỏi của lượt trước) đều là các FTAs" [5, 233]. Ngoài ra, Culpeper cũng chỉ ra rằng có nhiều hành vi phi ngôn từ và hành vi kèm ngôn ngữ ("paralinguistic") có thể là hành vi bất lịch sự, đe dọa thể diện. Ông cũng nói rằng lý thuyết của Brown và Levinson cũng chưa chú ý đến khía cạnh này của bất lịch sự. Theo Culpeper, hét to hay tránh giao tiếp bằng mắt cũng có thể là hành vi bất lịch sự.

3. Kết luận

Tìm hiểu lý thuyết lịch sự theo hướng mở rộng sang các cuộc giao tiếp mang tính tương phản hay đối đầu không phải là hướng nghiên cứu mới. Nhiều tác giả đã mở rộng phạm vi nghiên cứu theo hướng này như: Craig (1986), Lui (1986), Lakoff (1989), Tracy (1990) và Peruman (1990),... Tuy nhiên, chưa có một nghiên cứu nào tập trung toàn diện vào vấn đề bất lịch sự, cố gắng phân tích cụ thể cách thức hoạt động và cơ sở lý thuyết của nó. Culpeper

đã có những đóng góp đáng ghi nhận trong việc nghiên cứu bất lịch sự - một vấn đề mà theo ông là còn bị "lãng quên" [6, 366]. Trong phạm vi của một bài báo, chúng tôi không thể giới thiệu đầy đủ và kỹ lưỡng toàn bộ quan niệm về lịch sự (bất lịch sự) của Culpeper. Hi vọng, trong tương lai chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này với phạm vi rộng hơn và với những kiến giải sâu sắc hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2010), *Từ điển thuật ngữ ngôn ngữ học (sơ thảo)*, Nxb Giáo dục, H.
2. Đỗ Hữu Châu (2006), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2 Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, H.
3. *Ngôn ngữ và xã hội - một cách tiếp cận liên ngành* (Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Từ Quân dịch; 2006), Nxb Thế giới, H.
4. Nhóm dịch giả (2012), *Từ điển xã hội học Oxford*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.

Tiếng Anh

5. Brown, Penelope and Stephen Levinson (1987), *Politeness: Some universals in language usage*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Culpeper, Jonathan (1996), *Towards an anatomy of impoliteness*. *Journal of pragmatics* 25, 349- 367.
7. Culpeper, Jonathan, *Impoliteness strategies*, http://www.academia.edu/8368660/Impoliteness_strategies
8. Culpeper, Jonathan (2011), *Impoliteness - using language to cause offence*. Cambridge University Press.
9. Leech, Geoffrey (1983), *Principles of pragmatics*. London: Longman.
10. Piia Kuntsi (2012), *Politeness and Impoliteness strategies used by lawyers in the "Dover trial" - a case study*, English Language Pro Graduate thesis English Department.
11. Pilar, Garces Conejos, Blivich (2010). *Indotruccion: The status-quo and quo vadis of impoliteness research*, *Intercultural Pragmatics* 7-4, 535-559.
12. Sifianou, Maria. (2010), Review of M. Locher and D. Bousfield (eds.), *Impoliteness and power: Studies on its interplay with power in theory and practice*, Berlin and New York: Mouton de Gruyter, *Language in Society* 39, 119-122.